

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 81 /GPMT-UBND

Trà Vinh, ngày 08 tháng 11 năm 2022

## **GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 270A/BQL-KT ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải” và hồ sơ kèm theo;*

*Xét Tờ trình số 565/TTr-STNMT ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường dự án “Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải”.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, địa chỉ tại số 114, đường Trần Quốc Tuấn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải tại khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án**

1.1. Tên dự án: Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải.

1.2. Địa điểm hoạt động: Khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

1.3. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải số 1724/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.4. Mã số thuế: 2100618273.

1.5. Loại hình dịch vụ: Cơ sở y tế.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được xây dựng trong khuôn viên Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải hiện hữu có tổng diện tích đất là 25.603,3 m<sup>2</sup> thuộc khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh (trong đó phần nâng cấp, mở rộng là 2.124 m<sup>2</sup>).

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 150 giường bệnh, đạt tiêu chuẩn Trung tâm y tế hạng III.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường.

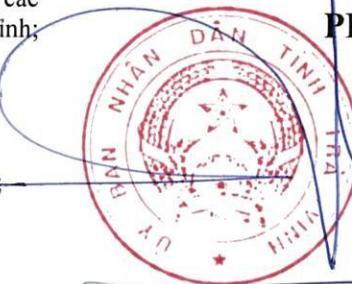
**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 08 tháng 11 năm 2022 đến ngày 08 tháng 11 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

*Nơi nhận:*

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh;
- CT, các PCT, UBND tỉnh;
- Sở TNMT (02 bản);
- Sở Y tế;
- UBND thị xã Duyên Hải;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN. 04

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH *Tran*  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quỳnh Thiện

**Phụ lục 1**

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 81/GPMT-UBND  
ngày 08 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Trà Vinh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- 1.1. Nguồn số 01: Nước thải từ hoạt động sinh hoạt: 22,24 m<sup>3</sup>/ngày đêm.
- 1.2. Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh: 40,86 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:** 01 dòng nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải, cụ thể:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sau 02 hệ thống xử lý được nhập dòng tại hố ga (xây mới) sau đó tự chảy cùng 01 hệ thống cống thoát nước thải của Trung tâm Y tế thải ra kênh thủy lợi tại khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

2.2. Vị trí xả nước thải: Kênh thủy lợi tại khóm 3, phường 1, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Tọa độ vị trí xả nước thải: X (m): 1066945, Y(m): 610454 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°30', mũi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi xử lý tự chảy theo hệ thống thoát nước thải của Trung tâm Y tế thị xã Duyên Hải ra kênh thủy lợi, loại hình xả mặt hoặc xả ngầm tùy thuộc thủy triều; xả thải ven bờ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K =1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6,5 – 8,5	03 tháng/lần
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60	
3	COD	mg/l	120	
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	120	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K =1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
	(TSS)			
5	Sulfua ( $H_2S$ )	mg/l	4,8	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12	
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60	
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12	
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24	
10	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha$	Bq/l	0,12	
11	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta$	Bq/l	1,2	
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000	
13	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH	
15	Vibrio cholerea	Vi khuẩn/100ml	KPH	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NUỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt tại các phòng, khoa được thu gom dẫn về các bể tự hoại 3 ngăn. Sau đó nước thải sinh hoạt được dẫn về hệ thống xử lý nước thải với tổng công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm (nước thải từ khu điều trị hiện hữu dẫn về hệ thống xử lý nước thải cũ công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm và nước thải từ khu điều trị xây mới dẫn về hệ thống xử lý nước thải xây mới công suất 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm) của Dự án.

- Nước thải y tế từ các phòng, khoa sẽ được thu gom, dẫn về hệ thống thoát nước thải của Dự án (hệ thống thu gom nước thải hiện hữu là bê tông cốt thép, đá 1x2 mác 200, dài 36,69 m; hệ thống thu gom nước thải xây mới là đường ống HDPE Ø200, tổng chiều dài 219 m) dẫn về 02 hệ thống xử lý nước thải của Dự án, tổng công suất 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm để tiếp tục xử lý.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải hiện hữu 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau Hầm tự hoại + Nước thải y tế) → Bể thu gom → Bể

điều hòa → Bể sinh học màng MBR → Bể khử trùng → cống thoát nước thải sau xử lý → nguồn tiếp nhận (Kênh thủy lợi) đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải xây mới 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm: Nước thải nhà vệ sinh (sau Hầm tự hoại 3 ngăn) + Nước thải y tế + Nước thải sinh hoạt tắm, giặt → Hệ thống cống thu gom → Hồ thu gom → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → cống thoát nước thải sau xử lý → nguồn tiếp nhận (Kênh thủy lợi) đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, K=1,2.

- Tổng công suất thiết kế: 100 m<sup>3</sup>/ngày đêm
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 01 tháng 9 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải xây mới 50 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu ra hệ thống xử lý nước thải 50m<sup>3</sup>/ngày đêm xây mới.

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 28:2010/BTNMT, cột B, hệ số K =1,2
1	pH	-	6,5 – 8,5
2	TSS	mg/l	120
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	60
4	COD	mg/l	120
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> -N	mg/l	12
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> -N	mg/l	60
7	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> -P	mg/l	12
8	H <sub>2</sub> S	mg/l	4,8
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2
12	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH
13	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
14	Vibrio Cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH
15	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	Nước thải dầu vào hệ thống xử lý	Ngày 13/10/2024
2	Nước thải dầu ra sau hệ thống xử lý	Ngày 13/10/2024 Ngày 14/10/2024 Ngày 15/10/2024

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom triệt để lượng nước thải phát sinh, xử lý bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường; thường xuyên kiểm tra hệ thống cống thoát nước thải tránh trường hợp bị sụt lún, rò rỉ nước thải ra môi trường xung quanh.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Thực hiện đầy đủ chương trình giám sát môi trường định kỳ theo nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

**Phu lục 2**

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỦNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 81/GPMT-UBND  
ngày 08 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Trà Vinh)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

STT	Chủng loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm	13 01 01	18.781,4
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	154
3	Hộp mực in thải có thành phần nguy hại	08 02 04	73
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	180
5	Các loại nhiên liệu thải khác (bao gồm cả hỗn hợp)	17 06 03	50
6	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh và tráng phim gốc nước	19 01 01	90
7	Pin, ắc quy thải	16 01 12	55
8	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	288
<b>Tổng</b>			<b>19.671,4</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn y tế thông thường phát sinh

STT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn thông thường có thể tái chế	7.000
2	Chất thải rắn thông thường không thể tái chế	62.701

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 74.731 kg/năm.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**2.1.1. Thiết bị lưu chứa**

- Thiết bị lưu chứa: Thùng màu vàng: loại 20L: 64 cái; loại 240L: 08 cái; Thùng màu đen 20L: 15 cái, loại 240L: 06 cái.

- Thiết bị lưu chứa sau mở rộng: Thùng màu vàng: loại 20L: 40 cái; loại 240L: 06 cái; Thùng màu đen 20L: 10 cái; loại 240L: 04 cái.

**2.1.2. Kho lưu chứa:** Chất thải y tế nguy hại lây nhiễm phát sinh sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải y tế và chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh sẽ được thu gom vào kho chứa chất thải nguy hại, tại kho chứa bố trí thùng chứa chất thải và dán nhãn phân loại.

- Kho chất thải hiện hữu: 02 kho diện tích 05 m<sup>2</sup>, được xây kiên cố, có kết cấu bê tông cốt thép, mái tole, nền xi măng, bề dày tường 200 mm, nền đất được gia cố đảm bảo an toàn chống sụp, lún.

- Kho chất thải y tế xây mới: 01 kho lạnh diện tích: 46,86 m<sup>2</sup>, có kết cấu bê tông cốt thép, mái tôn, nền lát gạch.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn y tế thông thường**

**2.2.1. Thiết bị lưu chứa**

- Thiết bị lưu chứa: thùng màu xanh: loại 240L: 30 cái, loại 20L: 120 cái; thùng trắng: loại 20L: 25 cái, loại 240L: 04 cái.

- Thiết bị lưu chứa sau mở rộng: thùng màu xanh: loại 240L: 10 cái, loại 20L: 40 cái; thùng trắng: loại 20L: 10 cái, loại 240L: 06 cái.

**2.2.2. Kho lưu chứa:** Chất thải rắn có thể thu hồi, tái chế (phế liệu) được thu gom vào kho lưu chứa chất thải thông thường, tại kho chứa có bố trí thùng chứa chất thải và dán nhãn phân loại.

- Kho chất thải hiện hữu: 01 kho diện tích 10 m<sup>2</sup>, được xây kiên cố, có kết cấu bê tông cốt thép, mái tole, nền xi măng, bề dày tường 200 mm, nền đất được gia cố đảm bảo an toàn chống sụp, lún.

- Kho chất thải thông thường xây mới: 01 kho diện tích: 33 m<sup>2</sup>, có kết cấu bê tông cốt thép, mái tôn, nền lát gạch.

**B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Thực hiện đầy đủ các nội dung về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đã

nêu trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án như: Sự cố rò rỉ hóa chất, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố môi trường do chất thải y tế.